

DANH SÁCH HỌC SINH NHÓM 19CNO2.1 – K13

STT	MSHS	HỌ	TÊN	NĂM SINH	Ghichú
1.	19CNO2.01	Dương Thuận	An	6/1/2004	
2.	19CNO2.02	Nguyễn Hoài	An	12/6/2004	
3.	19CNO2.03	Nguyễn Thanh	Ân	8/9/2004	
4.	19CNO2.05	Bùi Quốc	Anh	5/9/2004	
5.	19CNO2.07	Đặng Thế	Bảo	9/6/2004	
6.	19CNO2.08	Đàm Gia	Bửu	16/7/2004	
7.	19CNO2.09	Nguyễn Thanh	Cảm	21/6/2001	
8.	19CNO2.100	Lê Thanh	Tốt	22/4/2004	
9.	19CNO2.102	Võ Chí	Trung	2/11/2002	
10.	19CNO2.103	Phan Lâm	Trưởng	6/6/2001	
11.	19CNO2.105	Nguyễn Thái Thiên	Tứ	2/9/2004	
12.	19CNO2.107	Huỳnh Văn Anh	Tuấn	11/6/2004	
13.	19CNO2.108	Nguyễn Đức	Vĩ	14/1/1999	
14.	19CNO2.109	Lâm Quốc	Vĩ	1/12/2004	
15.	19CNO2.110	Lưu Bảo	Vinh	12/11/2004	
16.	19CNO2.111	Nguyễn Quốc	Vinh	9/3/2004	
17.	19CNO2.112	Phạm Lâm	Vinh	6/11/2004	
18.	19CNO2.113	Thạch Minh	Vũ	10/7/2003	
19.	19CNO2.191	Nguyễn	Huy	19/08/2004	
20.	19CNO2.150	Hồ Hoàng	Tuấn	21/07/2003	
21.	19CNO2.140	Nguyễn Anh	Phước	22/09/2004	
22.	19CNO2.14	Nguyễn Cao	Cường	6/8/2003	
23.	19CNO2.97	Lê Nguyễn Minh	Tiến	5/11/2004	Học Không Đều
24.	19CNO2.04	Nguyễn Tuấn	Anh	2/1/2004	Học Không Đều
25.	19CNO2.06	Đỗ Văn Tuấn	Anh	30/6/2004	Học Không Đều
26.	19CNO2.10	Ngô Quang	Chương	3/11/2004	Học Không Đều
27.	19CNO2.11	Nguyễn Ngọc	Chương	21/1/2004	Học Không Đều
28.	19CNO2.101	Lê Hiền	Trí	9/12/2004	Học Không Đều
29.	19CNO2.104	Quách Thiên	Tú	22/9/2003	Học Không Đều
30.	19CNO2.106	Phạm Minh	Tuấn	19/2/2003	Học Không Đều
31.	19CNO2.142	Phùng Vĩnh	Thành	14/8/2004	Học Không Đều
32.	19CNO2.143	Nguyễn Quốc	Hưng	26/4/2004	Học Không Đều
33.	19CNO2.146	Trương Thanh	Trí	18/1/2004	Học Không Đều
34.	19CNO2.147	Lê Minh	Triết	18/9/2003	Học Không Đều

DANH SÁCH HỌC SINH NHÓM 19CNO2.2 – K13.

STT	MSHS	HỌ	TÊN	NĂM SINH	GHI CHÚ
01	19CNO2.116	Trần Kim	Dũ	6/10/2004	
02	19CNO2.119	Châu Chí	Hào	12/12/2003	
03	19CNO2.12	Phan Đình	Chương	17/9/2003	
04	19CNO2.122	Tôn Ngọc	Hiếu	18/5/2002	
05	19CNO2.125	Trương Hoàng	Huy	23/10/2004	
06	19CNO2.126	Văn Ngọc	Huy	24/10/2004	
07	19CNO2.127	Nguyễn	Khải	10/11/2002	
08	19CNO2.128	Mao Tuấn	Kiệt	27/6/2004	
09	19CNO2.129	Phạm Quốc	Long	5/7/2004	
10	19CNO2.138	Nguyễn Gia	Phúc	31/10/2004	
11	19CNO2.139	Ngô Phi	Hùng	9/2/2001	
12	19CNO2.141	Cửu Ngô Quốc	Thành	19/12/2004	
13	19CNO2.144	Trần Lê Trung	Thuận	30/1/2004	
14	19CNO2.145	Trần Hà Minh	Tiến	11/7/2004	
15	19CNO2.163	Nguyễn Thành Gia	Khang	19/8/2004	
16	19CNO2.166	Kiều Tấn	Lợi	30/8/2004	
17	19CNO2.17	Nguyễn Đình Tiến	Điền	9/7/2004	
18	19CNO2.131	Nguyễn Hoàng	Nhân	4/8/2004	
19	19CNO2.133	Lê Minh	Nhật	27/9/2004	
20	19CNO2.134	Trần Tấn	Phát	20/11/2004	
21	19CNO2.117	Đặng Việt	Hải	10/7/2004	
22	19CNO2.118	Lê Hoàng Thanh	Hải	2/5/2003	
23	19CNO2.132	Huỳnh Vương	Nhật	1/3/2004	
24	19CNO2.99	Nguyễn Đức	Toàn	1/1/2004	
25	19CNO2.135	Vương Lê	Hoàng	9/2/2003	Học Không Đều
26	19CNO2.136	Huỳnh Nghĩa	Phú	19/12/2003	Học Không Đều
27	19CNO2.137	Phạm Duy	Phú	5/7/2003	Học Không Đều
28	19CNO2.114	Nguyễn Gia	Bảo	11/8/2004	Học Không Đều
29	19CNO2.115	Nguyễn Duy	Đan	30/1/2003	Học Không Đều
30	19CNO2.120	Lâm Văn	Hiếu	30/8/2002	Học Không Đều
31	19CNO2.121	Trần Khánh	Hùng	17/1/2004	Học Không Đều
32	19CNO2.123	Hứa Vĩnh	Hưng	2/4/2004	Học Không Đều
33	19CNO2.124	Liêu Gia	Hưng	17/12/2004	Học Không Đều
34	19CNO2.13	Nguyễn Quốc	Cường	17/12/2003	Học Không Đều

DANH SÁCH HỌC SINH NHÓM 19CNO2.3 - K13.

STT	MSHS	HỌ	TÊN	NĂM SINH	GHI CHÚ
01	19CNO2.15	Giang Thành	Đạt	7/3/2004	
02	19CNO2.16	Nguyễn Thành	Đạt	22/5/2004	
03	19CNO2.25	Triệu Đoan	Hào	21/8/2004	
04	19CNO2.26	Nguyễn Phúc	Hậu	28/12/2002	
05	19CNO2.27	Nguyễn Thanh	Hậu	17/2/2004	
06	19CNO2.28	Huỳnh TrầnHuy	Hoàng	30/10/2004	
07	19CNO2.30	Diệp Nhật	Hùng	14/8/2003	
08	19CNO2.34	Nguyễn Đức	Huy	10/8/2002	
09	19CNO2.35	Phạm Nguyễn Gia	Huy	28/2/2004	
10	19CNO2.36	Nguyễn Hoài Minh	Huy	1/11/2004	
11	19CNO2.37	Diệp Bảo	Huy	16/9/2004	
12	19CNO2.41	Lê Gia	Khang	30/3/2004	
13	19CNO2.42	Trần Vương	Khang	30/8/2003	
14	19CNO2.43	Nguyễn Quốc	Khang	1/1/2004	
15	19CNO2.44	Lâm Phúc	Khang	25/11/2004	
16	19CNO2.45	Phạm Lê Công	Khanh	15/2/2004	
17	19CNO2.46	Phan Văn	Khanh	5/11/2004	
18	19CNO2.47	Đỗ Phạm Đăng	Khoa	16/5/2004	
19	19CNO2.48	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	21/4/2004	
20	19CNO2.49	Lê Chung	Kiên	31/7/2004	
21	19CNO2.190	Đỗ Thành	Đạt	10/02/2001	
22	19CNO2.148	Bùi Quang	Trung	20/11/2004	Học Không Đều
23	19CNO2.149	Nguyễn Thành	Trung	27/8/2004	Học Không Đều
24	19CNO2.151	Phạm Quốc	Vinh	13/12/2004	Học Không Đều
25	19CNO2.29	Lê Nguyễn Huy	Hoàng	28/1/2004	Học Không Đều
26	19CNO2.31	Văn Gia	Hữu	4/2/2004	Học Không Đều
27	19CNO2.32	Vòng	Hữu	2/8/2004	Học Không Đều
28	19CNO2.33	Chung Tấn	Huy	17/7/2003	Học Không Đều
29	19CNO2.38	Hà Gia	Huy	23/6/2003	Học Không Đều
30	19CNO2.39	Nguyễn Minh	Kha	29/11/2004	Học Không Đều
31	19CNO2.40	Lý Trần Quang	Khải	2/4/2004	Học Không Đều
32	19CNO2.162	Nguyễn Hoàng	Bảo	23/1/2004	Học Không Đều
33	19CNO2.164	Trần Gia	Khánh	23/11/2004	Học Không Đều
34	19CNO2.169	Nguyễn Phước	Phát	22/9/2002	Học Không Đều

DANH SÁCH HỌC SINH NHÓM 19CNO2.4 – K13.

STT	MSHS	HỌ	TÊN	NĂM SINH	GHI CHÚ
01	19CNO2.18	Nguyễn Minh	Đức	23/8/2004	
02	19CNO2.19	Nguyễn Hồng	Đức	24/5/2004	
03	19CNO2.20	Tất Hữu	Duy	10/8/2004	
04	19CNO2.21	Nguyễn Quốc	Duy	30/4/2003	
05	19CNO2.22	Nguyễn Bảo	Duy	13/7/2004	
06	19CNO2.23	Nguyễn Ngọc	Hải	12/12/2002	
07	19CNO2.24	Nazirs	Hanaphi	16/10/2004	
08	19CNO2.86	Quách Minh	Sang	15/6/2003	
09	19CNO2.87	Nguyễn Tấn	Tài	8/10/2004	
10	19CNO2.92	Lưu Triển	Thanh	14/5/2002	
11	19CNO2.95	Lại Hữu	Thành	26/4/2004	
12	19CNO2.98	Nguyễn Văn	Tiền	9/11/2004	
13	19CNO2.173	Quảng Nhật	Tân	3/9/2004	
14	19CNO2.174	Nguyễn Hải	Thạch	9/2/2004	
15	19CNO2.175	Nguyễn Phi	Thắng	8/4/2004	
16	19CNO2.176	Vũ Giáp	Thắng	6/2/2004	
17	19CNO2.177	Lý Hào	Thuận	11/9/2004	
18	19CNO2.178	Ngô Thanh	Tùng	27/6/2004	
19	19CNO2.181	Huỳnh Ngọc	Cương	22/3/2004	
20	19CNO2.182	Nguyễn Phước	Chí	7/8/2004	
21	19CNO2.185	Lê Hữu	Tiền	11/2/2004	
22	19CNO2.85	Trương Tấn	Sang	10/10/2003	
23	19CNO2.195	Huỳnh Đồng	Tiến	01/06/2002	
24	19CNO2.202	Huỳnh Tấn	Phát	06/08/2004	
25	19CNO2.83	Nguyễn Phúc Vĩnh	San	7/3/2003	
26	19CNO2.188	Dương Văn	Quý	21/08/2004	Học Không Đều
27	19CNO2.170	Dư Gia	Phú	27/1/2003	Học Không Đều
28	19CNO2.171	Quách Ngọc Thiên	Phú	11/6/2004	Học Không Đều
29	19CNO2.172	Trương Nguyễn Minh	Quân	24/3/2004	Học Không Đều
30	19CNO2.179	Trần Tiến	Vinh	7/10/2004	Học Không Đều
31	19CNO2.180	Lâm Trần Như	Bảo	4/5/2004	Học Không Đều
32	19CNO2.183	Phạm Nguyễn Minh	Đức	4/5/2004	Học Không Đều
33	19CNO2.184	Hứa Khánh	Huy	19/5/2004	Học Không Đều
34	19CNO2.186	Hồ Nguyễn Nhã	Tuấn	5/10/2003	Học Không Đều
35	19CNO2.187	Trà Minh	Trí	22/6/2004	Học Không Đều
36	19CNO2.90	Trần Thanh	Tâm	24/12/2002	Học Không Đều
37	19CNO2.91	Mạch Vĩnh	Thăng	9/8/2004	Học Không Đều
38	19CNO2.93	Lâm Võ	Thành	8/7/2003	Học Không Đều
39	19CNO2.94	Đỗ Nguyễn Tấn	Thành	11/11/2004	Học Không Đều
40	19CNO2.96	Ông Phước	Thịnh	3/10/2004	Học Không Đều

DANH SÁCH HỌC SINH NHÓM 19CNO2.5 – K13.

STT	MSHS	HỌ	TÊN	NĂM SINH	GHI CHÚ
01	19CNO2.52	Tchang Thế	Kiệt	18/5/2003	
02	19CNO2.53	Lâm Tuấn	Kiệt	3/3/2002	
03	19CNO2.54	Nguyễn Tùng	Lâm	26/6/2003	
04	19CNO2.55	Trác Tấn	Lộc	24/5/2004	
05	19CNO2.56	Đào Lê Hoàng	Long	11/2/2004	
06	19CNO2.59	Hoàng Trọng Minh	Mẫn	10/3/2004	
07	19CNO2.62	Trương Hoài Nhật	Nam	30/7/2004	
08	19CNO2.63	Phan Hoàng	Nam	18/9/2004	
09	19CNO2.64	Từ Đình	Nam	28/10/2003	
10	19CNO2.66	Hà Thanh	Nguyên	22/7/2004	
11	19CNO2.67	Huỳnh Chí	Nhật	25/1/2003	
12	19CNO2.68	Nguyễn Ngô Tiến	Phát	3/5/2004	
13	19CNO2.69	Trần Mạnh	Phát	21/10/2004	
14	19CNO2.70	Trần Tấn	Phát	17/3/2004	
15	19CNO2.71	Nguyễn Thế	Hưng	28/9/2003	
16	19CNO2.73	Đặng Thiệu	Phong	20/6/2004	
17	19CNO2.77	Hoàng	Phú	15/3/2004	
18	19CNO2.78	Đặng Hồng	Phúc	29/2/2004	
19	19CNO2.84	Nguyễn Ngọc Minh	Sang	9/7/2004	
20	19CNO2.74	Phan Đình	Phong	28/7/2004	
21	19CNO2.168	Hồ Quang	Nhã	27/10/2003	
22	19CNO2.50	Lê Anh	Kiệt	10/10/2004	Học Không Đều
23	19CNO2.51	Xin Thăng	Kiệt	7/9/2004	Học Không Đều
24	19CNO2.57	Lưu Kim	Long	15/7/2004	Học Không Đều
25	19CNO2.58	Nguyễn Kim	Long	14/4/2004	Học Không Đều
26	19CNO2.60	Nguyễn Hoàng	Minh	18/6/2003	Học Không Đều
27	19CNO2.61	Nguyễn Công	Minh	26/10/2001	Học Không Đều
28	19CNO2.65	Huỳnh Nhựt	Nam	23/2/2004	Học Không Đều
29	19CNO2.72	Nguyễn Tấn	Phát	26/10/2004	Học Không Đều
30	19CNO2.75	Hoàng Tiền	Phong	6/4/2004	Học Không Đều
31	19CNO2.76	Nguyễn Vương Hoàng	Phú	3/4/1998	Học Không Đều
32	19CNO2.79	Hồ Hoàng	Phúc	2/8/2003	
33	19CNO2.80	Phạm Thanh	Phương	1/11/2004	Học Không Đều
34	19CNO2.81	Bùi Tấn	Quốc	8/1/2004	Học Không Đều
35	19CNO2.82	Phạm Đặng Trọng	Quý	21/10/2004	Học Không Đều

Quận 5, ngày.....tháng.....năm 2020

TP.ĐÀO TẠO
KHOA CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC
Nguyễn Đức Hiền